TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 746/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 6 - 2024
V/v:Không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Hồng Hạnh
2. Bà Võ Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà****:* Ông Trịnh Tiến Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà L.T.P.D, sinh năm: 1988; cư trú tại: Số A ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông T.N.H, sinh năm: 1974, cư trú tại: Số E đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 25 tháng 3 năm 2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bà L.T.P.D trình bày:

Năm 2013, bà D và ông T.N.H tự nguyện chung sống và có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015; giữa bà D và ông H chung sống không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung trong gia đình không hạnh phúc ngày càng mẫu thuẫu trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận ông T.N.H là vợ chồng với bà L.T.P.D.

Về con chung: Thời gian chung sống giữa bà D với ông T.N.H, có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung trực tiếp, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà D xác định không có.

Bị đơn: Ông T.N.H trình bày:

Ông H tự nguyện chung sống với bà L.T.P.D như vợ chồng và có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015, đến nay không đăng ký kết hôn với bà L.T.P.D. Hiện tại ông H không còn tình cảm vợ chồng với bà D.

Yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà L.T.P.D và ông T.N.H là vợ chồng.

Về con chung: Ông H đồng ý giao con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Ông H tự thoả thuận với bà D.

Về tài sản chung: Không có

- Công văn số 51/CV-KSXX-HNGĐ ngày 06/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận G như sau:

Nhận thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do đương sự cung cấp, Tòa án không thu thập chứng cứ nào khác. Theo quy định khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa theo quy định khoản 2 Điều 21 của Bộ luật T

ố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Toà và Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà L.T.P.D, yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.N.H là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.P.D và ông T.N.H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015. Hiện tại bà D và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông H và bà D là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình qui định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ được giải quyết theo quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con….". Nên bà L.T.P.D và ông T.N.H không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015, ông H đồng ý giao trẻ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của L.T.P.D được quyền nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông T.N.H có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông T.N.H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà D.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà L.T.P.D phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của bà L.T.P.D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà L.T.P.D và ông T.N.H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên T.L.V; sinh ngày 03/12/2015, giao cho bà L.T.P.D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông T.N.H có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông T.N.H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà D.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L.T.P.D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0013099 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.G;
- CCTHADS Q.G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.